TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 01- 2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Bà Trương Thị Ngọc Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2017/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXX- ST ngày 06/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bạch Thị Q, sinh năm: 1993;
Nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên;
2. Bị đơn: Anh Điểu C**,** sinh năm: 1986;
Nơi cư trú: Tổ 01, ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước;
(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 09 năm 2017, quá trình giải quyết tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bạch Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bạch Thị Q và anh Điểu C sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; tuy không có tổ chức lễ cưới theo phong tục người Việt nam nhưng được sự

đồng ý của hai bên gia đình. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 03 năm thì quan hệ vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C không chịu làm ăn, lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, anh C còn hay đánh đập chị. Nay chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 09/2016 đến nay, thời gian này do anh C đánh đập nên chị và con về nhà cha mẹ đẻ ở Phú Yên sinh sống, không còn quan tâm gì đến nhau nữa; vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Thị Bạch T, sinh ngày 16/7/2014, nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; chị làm công nhân cho Công ty TNHH Mộc nghệ thuật (ART FURNITURE CO.,LTD) lương ổn định khoảng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ nên không đặt ra để tòa án giải quyết.

Quá trình lấy lời khai, hòa giải trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa anh Điểu C trình bày:

Thống nhất như chị Q trình bày về thời gian kết hôn, chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung; anh C cho rằng vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, chỉ do anh đi làm không mang tiền về để sinh hoạt trong gia đình 02 tháng nên vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn và chị Q đã tự ý cắt khẩu và mang con về nhà cha mẹ chị Q sinh sống từ tháng 09/2016 nên từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay; nay chị Quyền yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Khi ly hôn anh cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Thị Bạch T, sinh ngày 16/7/2014 và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C làm công nhân, thu nhập ổn định từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần tham gia phiên tòa đúng quy định và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Bạch Thị Q và anh Điểu C đã mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện quá trình tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng các đương sự không có hướng đoàn tụ và nguyên đơn nhất quyết được ly hôn để ổn định

cuộc sống, vợ chồng đã có thời gian ly thân dài từ tháng 09/2016 đến nay, anh C cũng đồng ý ly hôn nên để nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị Q có 01 con chung là Thị Bạch T, các bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung; xét về điều kiện mọi mặt giữa các bên để đảm bảo cho con chung phát triển ổn định bình thường, lâu dài thì quá trình ly thân con chung được chị Q và gia đình chị Q trực tiếp chăm sóc, anh C không có ý kiến gì về điều kiện chăm sóc của chị Q, hơn nữa chị Q cung cấp bảng lương tháng gần nhất làm công nhân cho Công ty TNHH Mộc Nghệ thuật (ART FURNITURE CO.,LTD) với mức 6.412.748 đồng, sau khi trừ đóng bảo hiểm xã hội và thuế thì thực nhận là 5.967.968 đồng nhưng anh C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện đảm bảo điều kiện nuôi con. Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để xác định chị Q có đầy đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Bạch Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo.

Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Bạch Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Điểu C, bị đơn có nơi cư trú tại ấp Sóc 5, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bạch Thị Q và anh Điểu C sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước; tuy không có tổ chức lễ cưới theo phong tục người Việt nam nhưng được sự đồng ý của hai bên gia đình, khi chung sống hai bên đã đủ tuổi kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; tình cảm vợ chồng giữa chị Bạch Thị Q và anh Điểu C đã mâu thuẫn trầm trọng, thể hiện quá trình tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng các đương sự không có hướng đoàn tụ và nguyên đơn nhất quyết được ly hôn để ổn định cuộc sống,

vợ chồng đã có thời gian ly thân dài từ tháng 09/2016 đến nay, thời gian này cũng đủ cho các bên suy nghĩ về tình cảm của mình để đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ, anh C cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị Q có 01 con chung là Thị Bạch T các bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung; xét về điều kiện mọi mặt giữa các bên để đảm bảo cho con chung phát triển ổn định bình thường, lâu dài thì quá trình ly thân con chung được chị Q và gia đình chị Q trực tiếp chăm sóc, nuội dưỡng, anh C không có ý kiến gì về điều kiện chăm sóc của chị Q, hơn nữa quá trình giải quyết vụ án tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện cụ thể để đảm bảo quyền trực tiếp nuôi con thì chị Q cung cấp bảng lương của những tháng gần nhất làm công nhân cho Công ty TNHH Mộc Nghệ thuật (ART FURNITURE CO.,LTD) với mức lương 6.412.748 đồng, sau khi trừ đóng bảo hiểm xã hội và thuế thì thực nhận là 5.967.968 đồng nhưng đối với anh C, anh C khai mình làm công nhân, thu nhập ổn định 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/ tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh để đảm bảo điều kiện nuôi con. Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định chị Q có đầy đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung hơn anh C nên cân giao con chung cho chị Bạch Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng mới đảm bảo về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

[7] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 09, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81,82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự;

Chị Bạch Thị Q ly hôn với anh Điểu C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 31, do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp ngày 11/7/2004 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Giao con chung Thị Bạch T, sinh ngày: 16/7/2014 cho chị Bạch Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Điểu C không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Anh C có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Bạch Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012348 ngày 06/10/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: HS, VT.